

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thiện
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: số 405A/2 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh BT (có mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: số 405A/2 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh BT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, bản tự khai ngày 09/4/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu T trình bày:*

Bà và ông Đặng Văn M tự nguyện kết hôn do quen biết vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2009. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại xã S, thành phố B. Đến năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lý do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hai bên nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, bà và ông M sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông M yêu cầu ly hôn ông M.

Quá trình chung sống bà và ông M không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Ông Đặng Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định pháp luật nhưng ông M không đến nên không có lời khai và ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Châu T.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành tốt quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là bà T đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58 luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung: không có, về án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp vụ án này là tranh chấp về việc ly hôn, ông M hiện đang sống tại ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009, bà T và ông M chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh TG, vì vậy, hôn nhân của bà T và ông M là hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Bà T trình bày nguyên nhân yêu cầu ly hôn ông M là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hai bên nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, bà T và ông M sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, nay vợ chồng không thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa ông Đặng Văn M vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông M đã được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải; giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần để hòa giải nhưng ông M vẫn không đến. Điều này cho thấy ông M cũng không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, cả hai không tìm cách hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn dẫn đến việc bà T yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2018, đại diện địa phương cũng xác nhận vợ chồng bà T và ông M sinh sống tại ấp 2, xã S, thành phố B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn ông M là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị Châu T khai quá trình chung sống bà T và ông M không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xét đến.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà T phải chịu tòa bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Châu T đối với ông Đặng Văn M, bà T được ly hôn với ông M.

2. Về con chung: Không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Châu T phải nộp phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015511 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND X. Tân Hương, H. Châu Thành,
T. Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Châu